

Cuộc đua tăng lãi suất tái diễn với mức độ cao

Nếu cuối năm 2006, nhiều người đã lo lắng một mặt bằng lãi suất mới sẽ được thiết lập khi mức lãi suất huy động vượt ngưỡng 9,5%/năm thì đến đầu năm 2008 vừa qua, những lo lắng này đã trở thành một nỗi sợ hãi đối với cả các nhà quản lý và các nhà kinh tế và đặc biệt là các nhà ngân hàng khi mức lãi suất huy động được duy trì ở mức 12% cho tất cả các kỳ hạn từ 1 đến 12 tháng trong một thời gian tương đối dài gần như toàn bộ các ngân hàng, từ các NHTM Nhà nước đến các NHTM cổ phần, từ các ngân hàng lớn đến các ngân hàng nhỏ. Trong khi đó, mức lãi suất huy động có kỳ hạn dài hơn, như 16, 18, 24, 36 tháng, lại thấp hơn. Một hiện tượng chưa từng có mà một số nhà kinh tế đã phải thốt lên rằng đây là một nghịch lý lãi suất.

Cuộc đua lần này bắt đầu khi lãi suất nghiệp vụ thị trường mở và lãi suất liên ngân hàng liên tục phá kỷ lục qua từng ngày. Ngày 15/2/2008, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng lên tới 30,1%/năm; 3 ngày sau đã lập một kỷ lục mới là 33%/năm; 1 ngày sau đó, kỷ lục còn cao hơn với 43%/năm... Lãi suất thị trường mở qua đấu thầu giấy tờ có giá ngắn hạn tại NHNN lên tới 10% thậm chí 15%/năm cho kỳ hạn vay chỉ có 2 tuần, gấp 2-3 lần mức lãi suất bình thường. Thị trường "bị kéo căng" đến mức ngày 22/2/2008, NHNN phải bơm thêm 6000 tỷ đồng qua nghiệp vụ thị trường mở với lãi suất tới 13%/năm của kỳ hạn 14 ngày, giảm 2% so với mức 15%/năm của ngày 21/2/2008. Như vậy là chỉ trong 1 tuần, NHNN phải

bơm ra tới 39000 tỷ đồng, mức hỗ trợ thanh khoản chưa từng có trong lịch sử cận thiếp của NHNN từ trước đến nay. Tuy nhiên, hầu như chỉ

khiến nhiều người lo sợ vì nó gợi nhớ đến tình trạng cách đây 20 năm khi gần 6000 quỹ tín dụng và hợp tác xã tín dụng đã đổ vỡ. Rõ ràng đây là

NỖI LO ĐẰNG SAU CUỘC ĐUA LÃI SUẤT của các ngân hàng

Ths. Trịnh Thanh Huyền

"Tăng lãi suất ngân hàng" là một cụm từ không hề mới đối với Việt Nam mấy năm gần đây. Những cuộc đua tăng lãi suất mang tính "chạy tiếp sức" như vậy đã liên tục diễn ra với sự gia tăng cả về cường độ và trường độ đã tạo nên sức ép rất lớn đối với các ngân hàng, nhất là các ngân hàng nhỏ, các doanh nghiệp và cả nền kinh tế nói chung, đặc biệt trong bối cảnh lạm phát cao như hiện nay.

có các NHTM Nhà nước, một số ít NHTM cổ phần quy mô lớn, một số chi nhánh ngân hàng nước ngoài mới có cơ hội vay, còn phần đông các NHTM cổ phần thì không.

Có lẽ cũng chính vì lẽ đó mà các NHTM cổ phần buộc phải tham gia vào một cuộc đua không mong muốn. Ngày 20/2/2008, việc ngân hàng Đông Nam Á công bố biểu lãi suất mới với mức kỷ lục là 12%/năm được coi như một "phát súng lệnh" cho cuộc đua lãi suất trên thị trường. Sau đó đúng 1 ngày, NHTM cổ phần Sài Gòn - Hà Nội đưa ra chương trình siêu lãi suất, với mức lãi suất cao nhất lên tới 12,5%/năm cho kỳ hạn 1 tháng. Không chịu kém, ngày 22/2/2008, NHTM cổ phần Sài Gòn huy động vốn kỳ hạn 12 tháng với lãi suất tới 13,5%/năm. Ngân hàng Đông Nam Á, thậm chí còn đẩy mức lãi suất lên tới 14,4%/năm. Mức lãi suất "cực kỳ nguy hiểm" này

một cuộc rượt đuổi lãi suất hoàn toàn không mong muốn không chỉ đối với hệ thống ngân hàng, mà đối với các doanh nghiệp và nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, bài viết này không phân tích mức độ hợp lý của chính sách lãi suất cũng như mức lãi suất mà chỉ xem xét những vấn đề đang sau cuộc đua lãi suất này.

Nỗi lo của bản thân các ngân hàng

Việc tăng lãi suất của các ngân hàng thời gian qua đã cho thấy những bất cập của không ít NHTM trong nước - một nỗi lo rất lớn của các ngân hàng khi giai đoạn hội nhập đã cận kề. Những bất cập này, đặc biệt là trong vấn đề quản trị vốn của các ngân hàng, không phải bây giờ mới được bộc lộ mà nó đã được cảnh báo từ những "cuộc đua" trước, song cho đến giờ dường như vẫn chưa thể khắc phục. Mặc dù các ngân hàng lớn đã thu được lợi đáng kể trước các ngân hàng nhỏ

trong cuộc đua lãi suất vừa qua trên thị trường liên ngân hàng nhưng liệu rằng họ có thể duy trì được lợi thế này trước các ngân hàng nước ngoài hay không khi phải cạnh tranh bằng lãi suất. Đây là một vấn đề không mới nhưng không bao giờ là cũ đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Thứ nhất, bất cập trong cơ cấu vốn của các ngân hàng

Theo báo cáo của các ngân hàng, càng ngân hàng nhỏ thì tỷ trọng vay mượn vốn trên thị trường 2 (thị trường liên ngân hàng), càng lớn hơn vì khả năng huy động vốn của các ngân hàng này trên thị trường 1 (thị trường thu hút tiền gửi của khách hàng), rất hạn chế do mạng lưới hẹp, thương hiệu và uy tín hạn chế, dịch vụ ngân hàng chưa phát triển, năng lực cạnh tranh thấp,... trong khi đó, nhu cầu tăng trưởng dư nợ cao, cần nhanh chóng mở rộng quy mô.

Đến hết năm 2007, ở không ít NHTM cổ phần có tỷ lệ vốn huy động trên thị trường 2 chiếm tới hơn 65%. Năm 2007, có tới 10 ngân hàng có tỷ trọng từ 20% đến trên 80% dư nợ cho vay là sử dụng vốn từ thị trường 2. Trong khi đó, vay nợ trên thị trường 2 chủ yếu là ngắn hạn với lãi suất cao nên hiệu quả kinh doanh hạn chế. Hơn nữa, mức độ đi vay ngắn hạn trên thị trường liên ngân hàng quá lớn thì rủi ro thanh khoản sẽ rất cao. Khi có những biến động trên thị trường tiền tệ, các NHTM sẽ rất dễ rơi vào tình trạng thiếu hụt thanh khoản tạm thời. Điều đó buộc họ phải tăng lãi suất để huy

động đủ vốn cần thiết mặc dù điều này sẽ làm tăng chi phí.

Song, tình trạng tăng lãi suất huy động ở các kỳ hạn ngắn vừa qua ở các ngân hàng cũng cho thấy các ngân hàng chỉ chú trọng vào vốn ngắn hạn để đối phó với tình thế nóng trước mắt. Hậu quả là cấu trúc tài sản nợ của ngân hàng sẽ rủi ro hơn. Về cơ bản, một phần lớn trong số vốn huy động được sẽ dùng để mua tín phiếu bất buộc của NHNN, phần còn lại sẽ tiếp tục cấp tín dụng ra nền kinh tế. Theo quy định hiện hành, các ngân hàng chỉ được sử dụng tối đa 40% vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn. Tuy nhiên, không phải vốn ngắn hạn nào cũng như nhau, đặc biệt trong điều kiện "dị thường" hiện nay, khi đa số khách hàng chỉ gửi với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng mà vẫn được hưởng lãi như với kỳ hạn 12 tháng. Trong điều kiện như vậy, các ngân hàng sẽ khó cho vay dài hạn, thậm chí cho vay trung hạn cũng được xem là có rủi ro thanh khoản cao, chưa đề cập đến rủi ro lãi suất. Hơn nữa, khi các khoản tiền huy động có kỳ hạn ngắn trên đảo hạn, ngân hàng có đủ tiền để hoàn trả cho khách hàng? Bởi một thực tế là ngay sau khi mức trần lãi suất huy động (11%) được áp dụng, các ngân hàng lại rơi vào tình trạng thiếu vốn và hậu quả là lãi suất liên ngân hàng lại một lần nữa bị đẩy lên. Và hiện trần lãi suất 12% đã lại được trả về cho các NH dù rằng mức trần này vẫn chưa thực sự thoả đáng trong bối cảnh hiện. Liệu các ngân hàng có đủ khả năng để "phát động" tiếp một cuộc chạy đua lãi suất mới nhằm níu kéo khách hàng tiếp tục duy trì tiền gửi

nữa hay không. Đây là một cảnh báo đáng lưu ý đối với các NHTM.

Thứ hai, bất cập trong khả năng quản lý của ngân hàng

Một số NHTM đã chạy theo tốc độ tăng trưởng tín dụng, nội lòng điều kiện cho vay, nhất là đối với các lĩnh vực có tỷ lệ rủi ro cao, như bất động sản, chứng khoán... khiến tăng trưởng tín dụng trở nên quá nóng. Vốn tín dụng ngân hàng nếu như được đầu tư cho sản xuất kinh doanh sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, song nếu được đầu tư quá nhiều cho thị trường bất động sản và các lĩnh vực phi sản xuất khác thì những rủi ro quả là không nhỏ.

Cuối năm 2007, thị trường bất động sản lên cơn sốt, giá nhà đất tăng cao, một số nơi tăng gấp 2-3 lần đã kéo một khối lượng không nhỏ vốn tín dụng ngân hàng vào. Tính đến 31/12/2007, tổng dư nợ cho vay toàn hệ thống tăng tới 37,8% so với cuối năm 2006 và tăng gấp khoảng 2 lần so với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đề ra cả năm là 18-22%. Trong đó, ước tính 87% là dư nợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp, thủy hải sản, sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản, thương mại và dịch vụ, trong đó riêng lĩnh vực nông nghiệp và thủy hải sản, chế biến nông sản chiếm tới 29%, còn lại 13% là dư nợ cho vay lĩnh vực khác. Cũng tính đến hết năm 2007, dư nợ cho vay chứng khoán của toàn bộ các NHTM dừng ở tỷ lệ 1,37% trong tổng dư nợ cho vay.

Nếu chỉ nhìn vào các con số trên thì có thể cho là hợp lý. Vấn đề là ở chỗ bao nhiêu

trong số 87% nói trên thực sự được đầu tư cho nông nghiệp, thủy hải sản và xây dựng cơ bản và bao nhiêu trong số các hợp đồng tín dụng của doanh nghiệp, của hộ gia đình được thể hiện là đầu tư cho sản xuất, kinh doanh, cho tiêu dùng,... nhưng thực chất đã chuyển sang đầu tư cho bất động sản mà ngân hàng không quản lý nổi. Đồng thời trong tỷ trọng 13% cho vay khác là những lĩnh vực gì, có phải là đầu tư bất động sản hay không? Nói cách khác, cho đến nay vẫn chưa có được con số chính xác về vốn cho vay đầu tư bất động sản.

Hơn nữa, một số TCTD vẫn chưa quản lý tốt việc thực hiện Chỉ thị 03/2007/CT/NHNN, biểu hiện như: dư nợ cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư, kinh doanh chứng khoán đã vượt 3% tổng dư nợ nhưng vẫn cho vay; cho vay khi chưa ban hành quy trình cho vay, kiểm tra giám sát; không ghi rõ mục đích sử dụng vốn vay; tăng mạnh tổng dư nợ để giảm tỷ lệ cho vay đầu tư, kinh doanh chứng khoán.

Tốc độ tăng trưởng tín dụng quá nhanh cộng với chất lượng tín dụng tại các ngân hàng chưa cao tất yếu sẽ đi kèm với rủi ro tiềm ẩn về tín dụng, vượt quá khả năng quản lý của ngân hàng, nên bất kỳ biến động nào cũng buộc phải tăng lãi suất huy động. Mặc dù là không hợp lý nhưng việc tăng lãi suất đã xảy ra và những tác động của nó là không nhỏ tới bản thân các ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng nhỏ. Bởi lẽ lãi suất đầu vào tăng buộc ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất đầu ra, điều đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh và tiếp đó là khả năng trả nợ

của chính các khách hàng này. Nhưng, nếu chiếu theo Điều 476 của Bộ Luật dân sự 2005 về lãi suất cho vay không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản thì toàn bộ hệ thống ngân hàng Việt Nam đều đã “phạm luật” và có thể phải đi tù nếu cần phải giải quyết ở tòa án². Điều đáng lo ngại hơn là liệu có thực sự hiệu quả không khi các ngân hàng sử dụng lãi suất như một vũ khí lợi hại trong “cuộc chiến” giành giật thị phần khiến thị trường “quá nóng” và doanh nghiệp phải “toát mồ hôi” hay đây cũng chỉ là những giải pháp tình thế mà các ngân hàng buộc phải áp dụng. Hơn nữa, “liều pháp” này có thể sẽ bị “vô hiệu” khi các ngân hàng trong nước với số vốn rất hạn chế phải cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài có tiềm lực tài chính hùng hậu đang từng bước đặt chân vào thị trường trong nước theo lộ trình WTO. Khi đó, liệu số vốn mà các ngân hàng Việt Nam hiện có sẽ duy trì được khả năng cạnh tranh đến đâu? Đây là một vấn đề mà các ngân hàng Việt Nam cần hết sức thận trọng.

Những tác động tiêu cực tới khu vực doanh nghiệp...

Thực tế hiện nay ở Việt Nam, các doanh nghiệp Việt Nam tăng nhanh về số lượng, nhưng tỷ lệ vốn chủ sở hữu còn thấp, đã vậy lại chưa tập trung chủ yếu vào hoạt động chuyên môn chính mà phân tán ra quá nhiều lĩnh vực, kể cả những lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro như bất động sản. Trong khi đó, nguồn tài chính huy động vốn từ bạn bè, đối tác làm ăn nhờ vào uy tín cá nhân; hoặc gia đình đứng ra mượn nợ người thân, những mối quan hệ quen biết là rất chóng cạn mà doanh nghiệp

lại “khát” vốn và con đường quen thuộc mà các doanh nghiệp hay đi vẫn là tìm đến ngân hàng... Với 80% vốn huy động là đi vay ngân hàng, chi phí sản xuất của các doanh nghiệp sẽ tăng đáng kể và sẽ mất lợi thế cạnh tranh nếu các ngân hàng còn tiếp tục tăng lãi suất cho vay bởi lãi suất cho vay phổ biến là 18%/năm, thậm chí nhiều hợp đồng có lãi suất 21%/năm.

Không thể phủ nhận mặt tích cực của vấn đề này bởi khi lãi suất cao sẽ tạo cơ chế sàng lọc những dự án, doanh nghiệp hoạt động tốt; mặt khác góp phần loại bỏ những dự án, doanh nghiệp xấu. Nhưng trong điều kiện cạnh tranh ngày càng khốc liệt, khi chi phí vay vốn và giá nguyên liệu đầu vào cùng tăng trong “con bão giá” sẽ làm cho sức cạnh tranh của các doanh nghiệp khó khăn hơn, thậm chí còn bị lấn chiếm thị phần ngay tại sân nhà. Khả năng là không ít các doanh nghiệp sẽ rơi vào tình trạng mất khả năng trả nợ. Ông Nguyễn Văn Đậu, chủ tịch hội đồng thành viên công ty TNHH sản xuất thương mại Đạt Minh Thịnh cho rằng, lãi suất cho vay phải giảm về 14-15%/năm, các doanh nghiệp may ra có thể kham nổi. Còn mức lãi suất 17-18% mà các ngân hàng áp dụng hiện nay chỉ có các doanh nghiệp làm dịch vụ, kinh doanh địa ốc mới dám vay.

Đối các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, những gánh nặng sẽ càng nhiều thêm khi lãi suất tiếp tục tăng cao. Nhiều doanh nghiệp đang rơi vào tình trạng dư ngoại tệ nhưng không bán được cho ngân hàng trong khi phải vay vốn tiền đồng với lãi suất cao hơn³. Một số doanh nghiệp

nhỏ hơn thì không vay được tiền, nên không mua được hàng xuất thực hiện hợp đồng⁴. Điều này sẽ rất nguy hiểm cho các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng mang tính mùa vụ. Còn theo ông Lê Đức Tân, Giám đốc công ty may xuất khẩu quận 12, TP HCM thì dù lãi suất cho vay của các ngân hàng giảm thấp thêm 1-2% nữa thì các doanh nghiệp sản xuất vẫn không dám "rủ" vào vì sợ "bóng tay". Lợi nhuận từ các hợp đồng ký được nhiều nhất cũng chỉ khoảng 10%. Thậm chí, có những đơn hàng chỉ lời 3-4%. Với lãi suất 16-18%, doanh nghiệp càng vay nhiều, nguy cơ thua lỗ càng cao. Và như vậy, công ty không còn cách nào khác phải cắt giảm đơn hàng.

... và cả nền kinh tế.

Như vậy là sau khoảng 15 năm kể từ khi Việt Nam bắt đầu lộ trình tự do hoá lãi suất (tháng 6/1992) với việc thực hiện lãi suất thực dương, lãi suất của chúng ta lại rơi vào tình trạng thực âm. Như vậy, chính sách lãi suất cao của các ngân hàng hiện nay là hợp lý nếu đứng từ góc độ người gửi tiền nhưng lại là không hợp lý trong bối cảnh giá cả leo thang từng ngày. Để kiềm chế lạm phát, trong các nhóm giải pháp mà Chính phủ đưa ra thì giải pháp đầu tiên là thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt. Muốn vậy phải tăng lãi suất huy động để bảo đảm cho lãi suất thực dương. Song với tốc độ lạm phát 3 tháng đầu năm 2008 đã lên tới 9,19% so với tháng 12/2007 và tới 16,38% so với cùng kỳ năm trước, và theo dự đoán của ADB, lạm phát

cả năm 2008 sẽ ở mức 15,6%, liệu bài toán này có lời giải?

Hơn nữa, khi thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, số tiền đã đầu tư vào BĐS không thể rút ra khỏi lưu thông. Do thiếu vốn, do bị khống chế bởi hạn mức tín dụng, các NHTM đang hạn chế cho vay và tăng lãi suất cho vay lên rất cao, nhiều nhu cầu vốn hợp lý cho sản xuất kinh doanh cũng bị hạn chế. Bởi vậy mục tiêu kiềm chế lạm phát ít đạt được hiệu quả, nhưng ảnh hưởng đến sản xuất và tăng trưởng kinh tế thì nhìn thấy rất rõ.

Không những thế, lãi suất tăng trong điều kiện các thị trường khác liên tục có những biến động lớn: giá vàng và giá các nguyên liệu đầu vào tăng liên tục với tốc độ chóng mặt; lạm phát ở mức cao chưa từng có; chỉ số chứng khoán VN-Index lại liên tục phá đáy; còn đồng USD cũng giảm bất thường sẽ khiến từng bộ phận khả năng cạnh tranh của cả nền kinh tế nói chung bị giảm sút. Hơn nữa lãi suất tăng lên trong điều kiện lạm phát đang ở mức quá cao sẽ là một bất lợi đối với nền kinh tế. Song không thể vì thế mà có thể đưa ra mức trần lãi suất tiền gửi như thời gian qua bởi thực tế là khi các ngân hàng cần vốn thì họ phải đi vay, nếu không vay được từ người dân vì mức trần lãi suất thì họ buộc phải tìm kiếm ở những nguồn vốn và lãi suất vẫn sẽ bị đẩy lên.

Trong thời gian tới, khi văn bản số 91/TB-VPCTP ngày 7/4/2008 được thực hiện, theo độ Thủ tướng Chính phủ yêu cầu NHNN: "Trước mắt, không duy trì việc quy định lãi suất huy động trần", lãi

suất huy động vốn của các NHTM khả năng sẽ còn tiếp tục tăng. Do vậy, cả từ phía khách quan lẫn chủ quan đều cho thấy rằng, để điều tiết có hiệu quả lãi suất, hạn chế tác động tiêu cực đến bản thân các ngân hàng, các doanh nghiệp cũng như đến sức cạnh tranh của nền kinh tế, ngoài việc phát triển các thị trường bộ phận của thị trường vốn đa dạng hoá các hình thức huy động vốn cho doanh nghiệp và giảm áp lực lên hệ thống ngân hàng, cần hoàn thiện và nâng cao khả năng sử dụng các công cụ gián tiếp trong điều hành chính sách tiền tệ của NHNN. Đồng thời, đòi hỏi các NHTM cần có chiến lược quản trị điều hành nguồn vốn hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế và luôn sẵn sàng chủ động đối phó với mọi tình huống, cần chủ động khống chế tỷ lệ đi vay nợ trên thị trường liên ngân hàng. Chỉ có như vậy, các ngân hàng mới có thể chủ động trước những biến động của thị trường./.

Tài liệu tham khảo

1. Báo điện tử Vietnamnet ngày 7/4/2008
2. Theo Quyết định 479/QĐ/NHNN ngày 29/2/2008 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì chỉ có 8,75%/năm và mức lãi suất cho vay chỉ tương đương 13,125%/năm.
3. Kiến nghị của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4. Ý kiến của bà Nguyễn Thị Nguyệt, Tổng thư ký Hiệp hội Lương thực Việt Nam.